Chi tiết mã HS 8605.00.00

Mã HS	8605.00.00
Mô tả hàng hóa	Toa xe chở khách(1) không tự hành dùng cho đường sắt hoặc đường tàu điện; toa xe hành lý(1), toa xe bưu vụ(1) và toa xe chuyên dùng khác cho đường sắt hoặc đường tàu điện, không tự hành (trừ các loại thuộc nhóm 86.04)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 14:56:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/86050000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16231
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16231
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16231
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15544
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15473
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15473
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15473
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15473
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15473
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15473
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15529
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15529
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15529

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15529
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15529
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15529
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15530
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15530
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15530
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15530
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15530
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15530
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15531
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15479
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15487
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15487
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15487
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15487
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15487
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15487
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15527
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15527
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15527
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15527
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15527
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15527
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15589
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15589
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15589

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15589
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15589
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15589
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15563
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15563
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15563
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15563
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15563
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15563
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15566
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15566
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15566
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15566
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15566
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15566
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15572
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15572
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15572
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15572
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15572
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15572
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15571
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15571
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15571
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15571
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15571

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15571
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15560
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15560
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15560
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15560
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15560
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15560
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15560
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15554
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15554
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15554
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15554
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15554
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15554
RCEP B	2022	2022	0	B!D15554
RCEP B	2023	2023	0	B!E15554
RCEP B	2024	2024	0	B!F15554
RCEP B	2025	2025	0	B!G15554
RCEP B	2026	2026	0	B!H15554
RCEP B	2027	2027	0	B!I15554
RCEP C	2022	2022	0	C!D15554
RCEP C	2023	2023	0	C!E15554
RCEP C	2024	2024	0	C!F15554
RCEP C	2025	2025	0	C!G15554
RCEP C	2026	2026	0	C!H15554
RCEP C	2027	2027	0	C!I15554

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15553
RCEP D	2023	2023	0	D!E15553
RCEP D	2024	2024	0	D!F15553
RCEP D	2025	2025	0	D!G15553
RCEP D	2026	2026	0	D!H15553
RCEP D	2027	2027	0	D!I15553
RCEP E	2022	2022	0	E!D15557
RCEP E	2023	2023	0	E!E15557
RCEP E	2024	2024	0	E!F15557
RCEP E	2025	2025	0	E!G15557
RCEP E	2026	2026	0	E!H15557
RCEP E	2027	2027	0	E!I15557
RCEP F	2022	2022	0	F!D15554
RCEP F	2023	2023	0	F!E15554
RCEP F	2024	2024	0	F!F15554
RCEP F	2025	2025	0	F!G15554
RCEP F	2026	2026	0	F!H15554
RCEP F	2027	2027	0	F!I15554
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14509
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14509
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14509
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14509

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT trước TQ (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)		12/2022/TT-BGTVT, 62/2024/TT-BGTVT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HHNK phải chứng nhận trước khi thông quan (12/2022/TT-BGTVT PL1)		12/2022/TT-BGTVT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8605.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8605.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16231), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HHNK phải chứng nhận trước khi thông quan (12/2022/TT-BGTVT PL1)
Chứng nhận chất lượng ATKT và BVMT trước TQ (12/2022/TT-BGTVT và 62/2024/TT-BGTVT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.